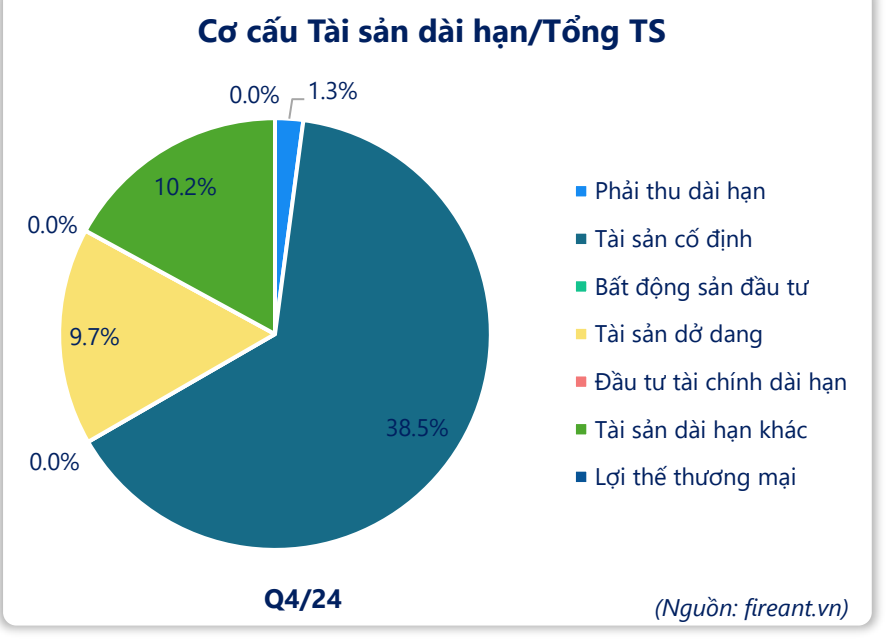
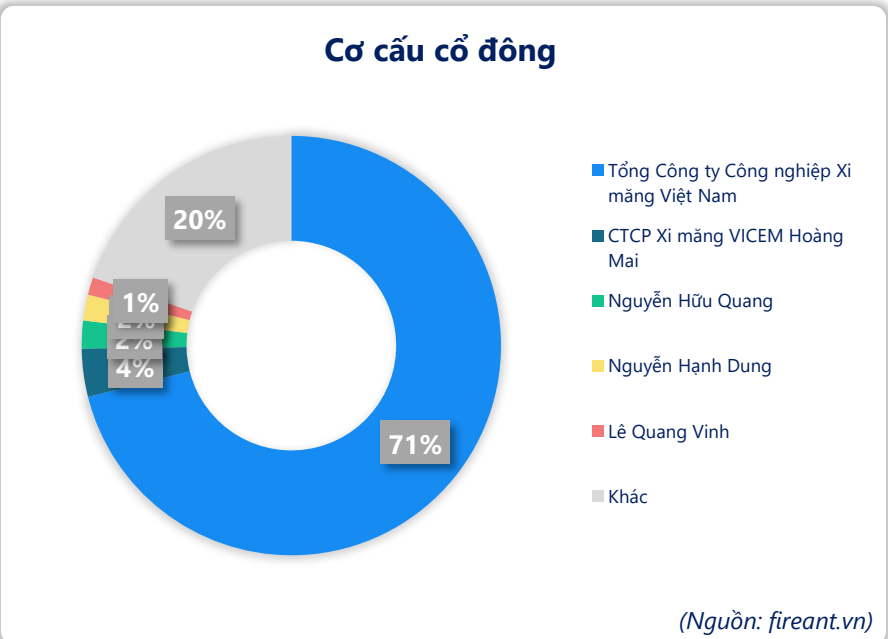
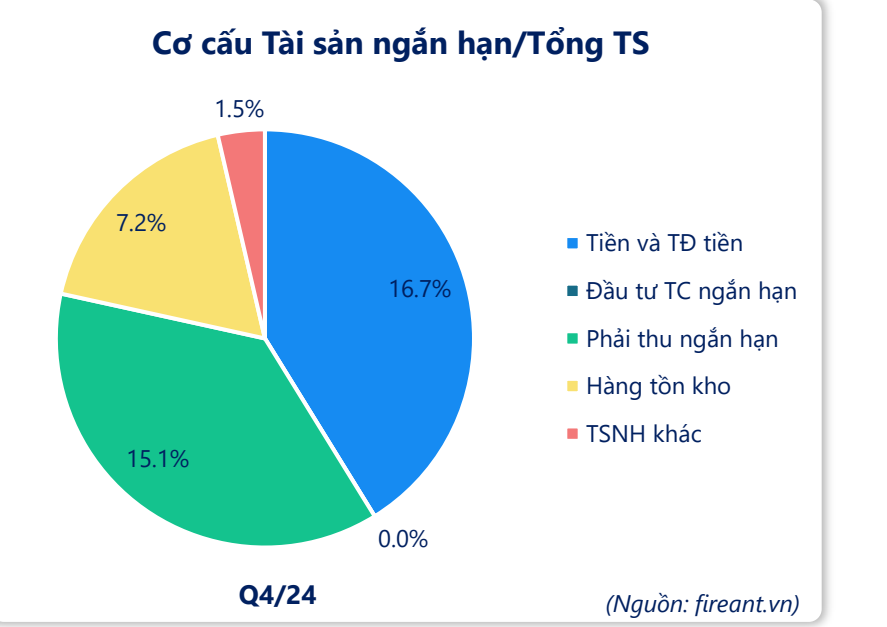
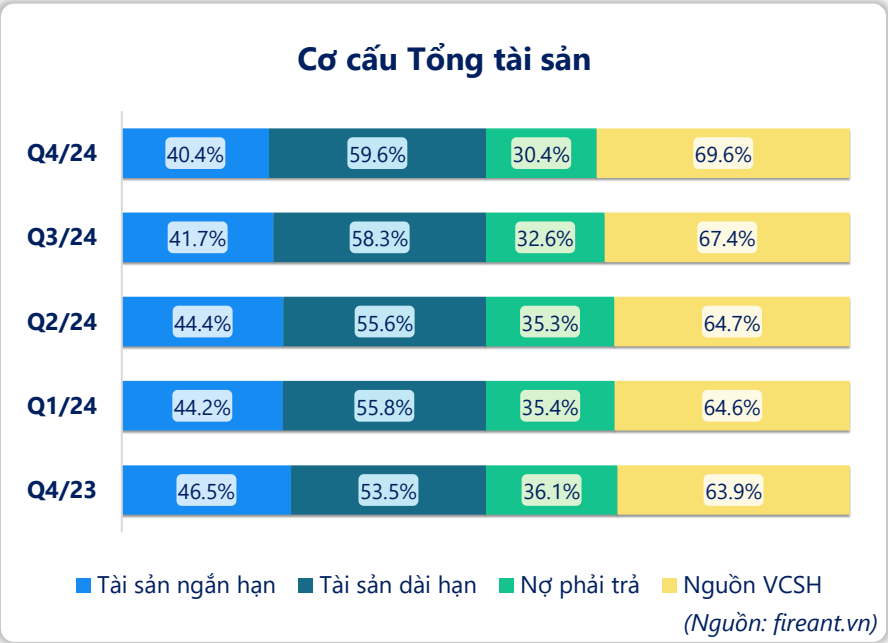
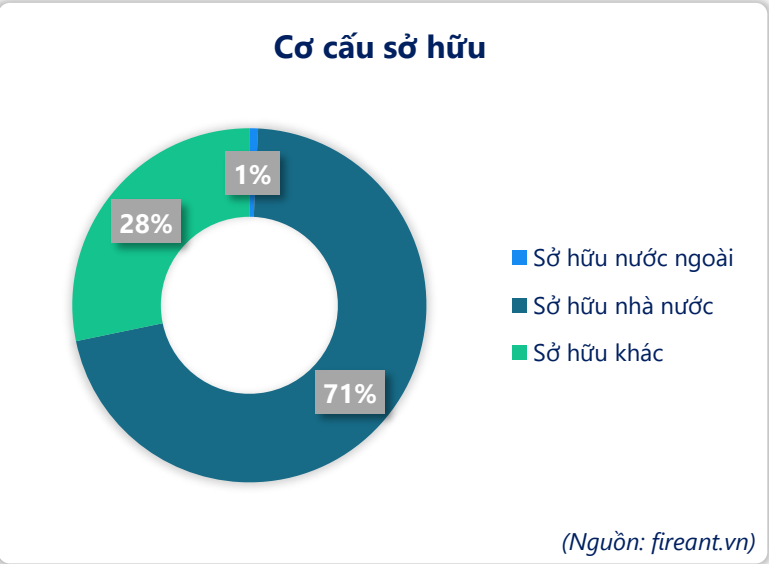
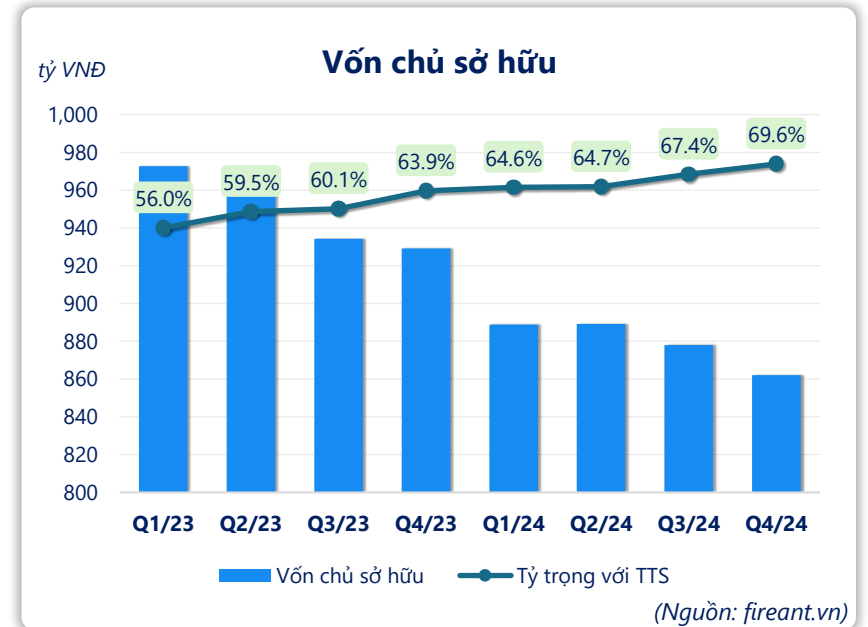
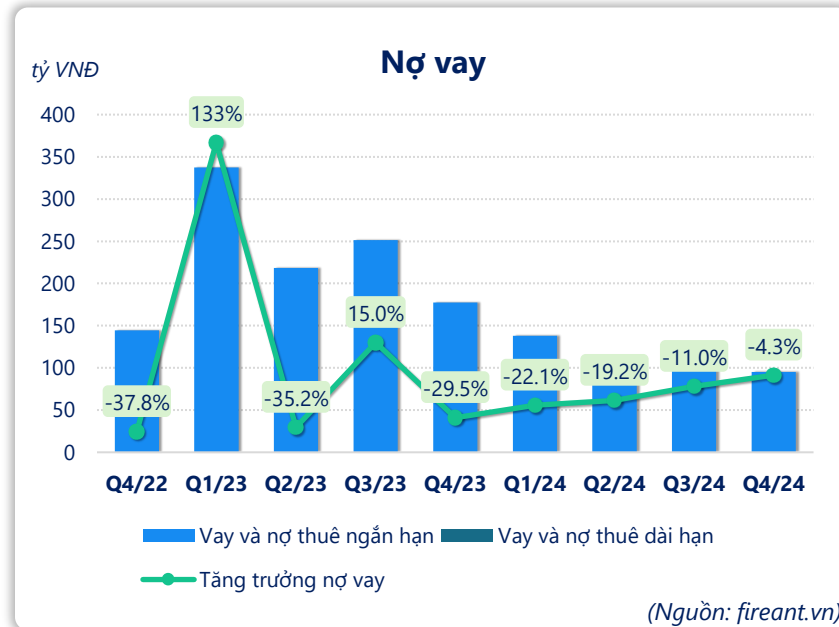
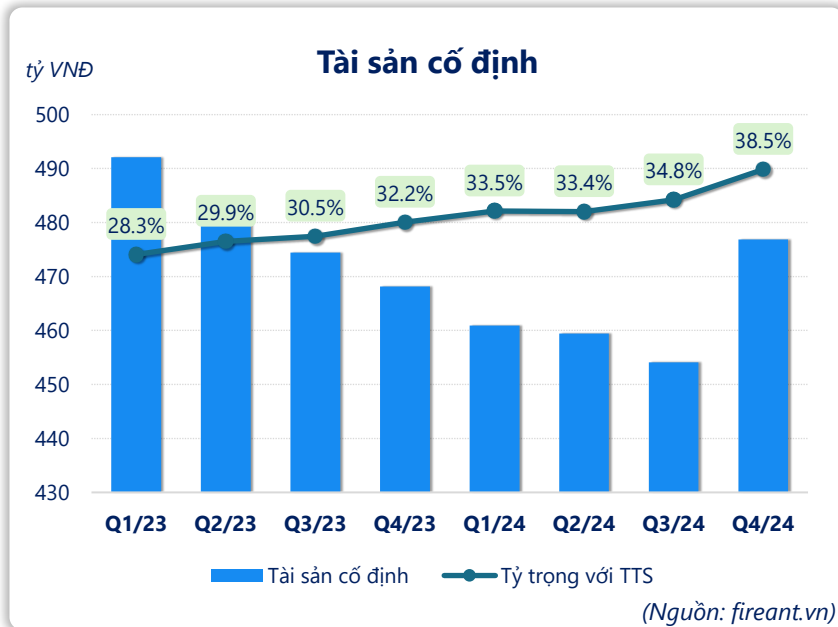
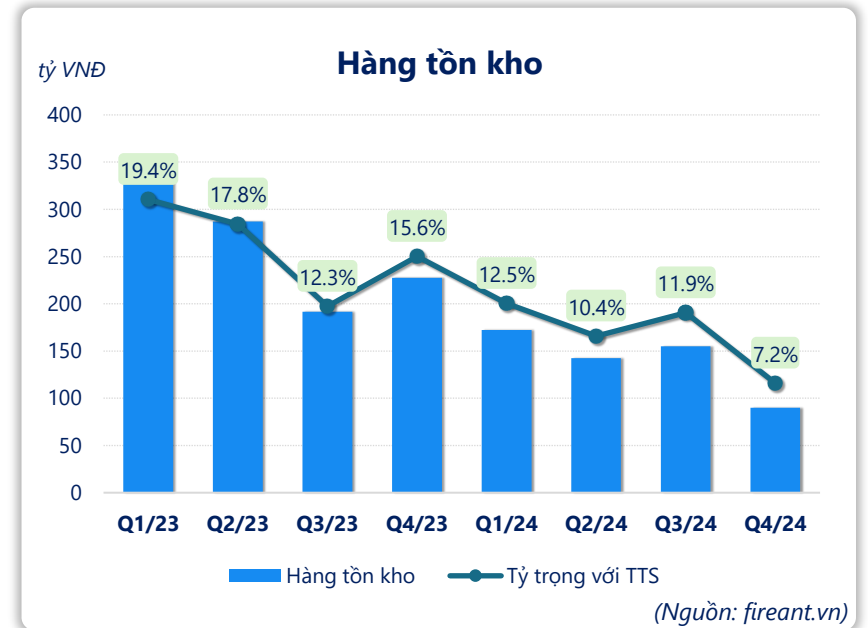
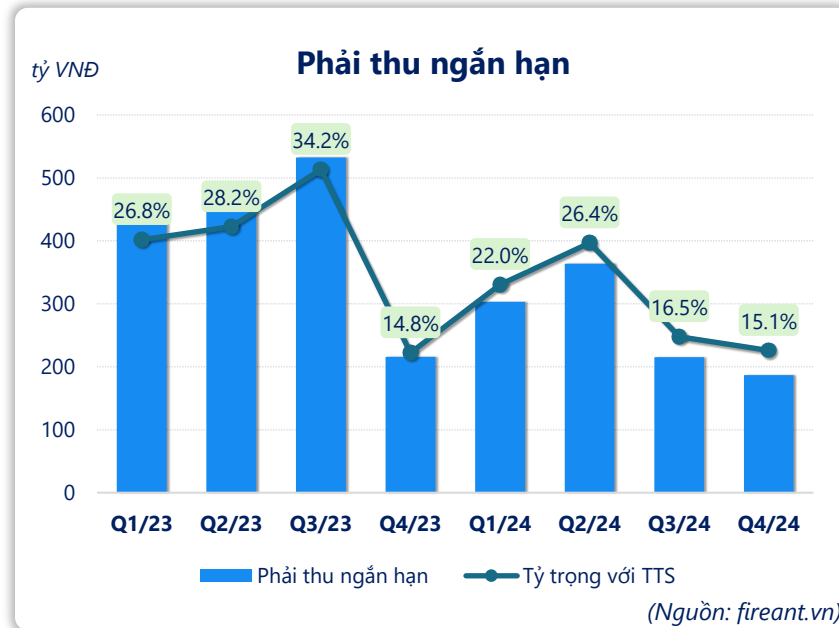
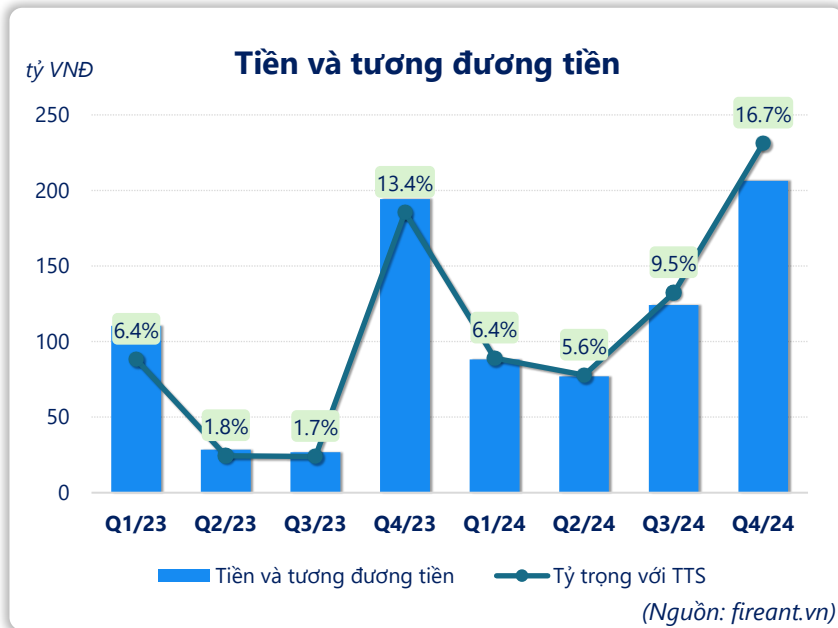
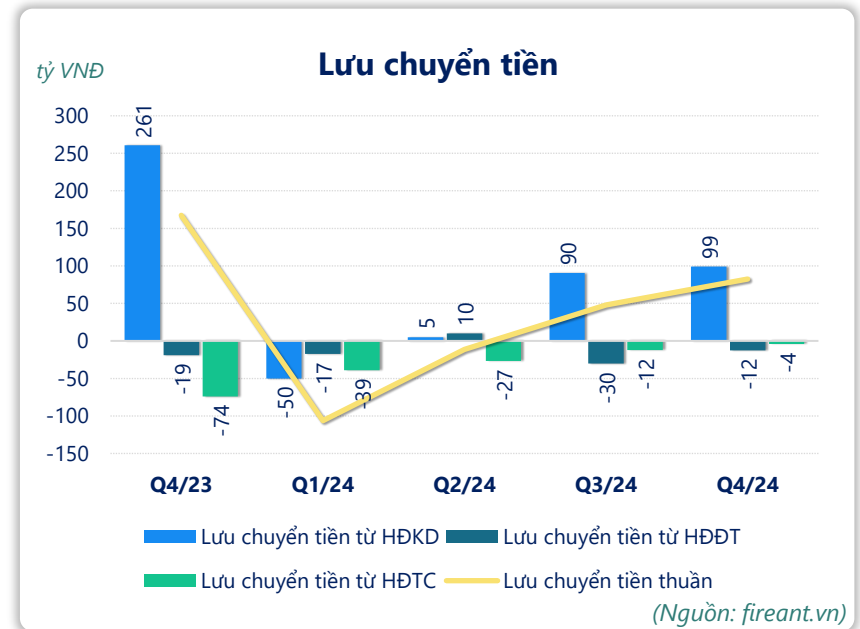
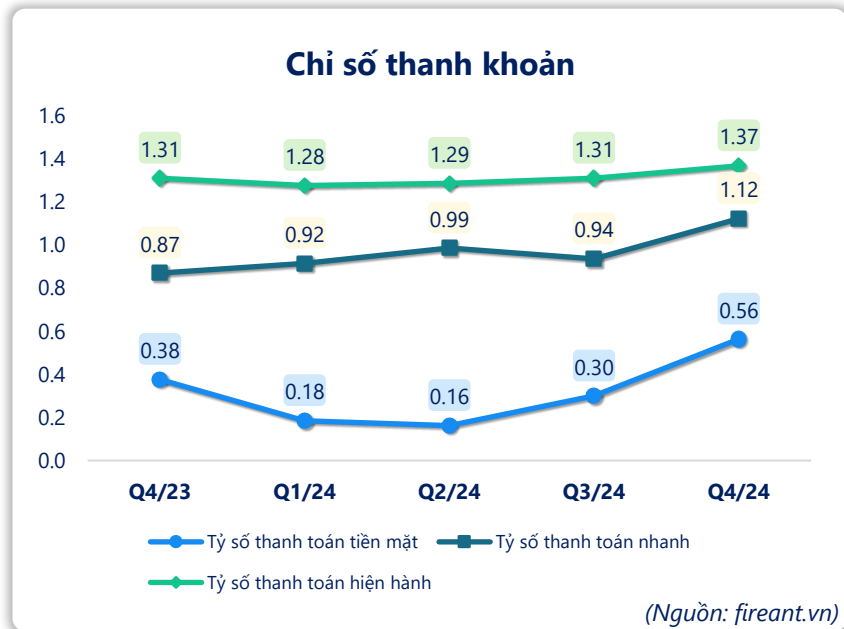
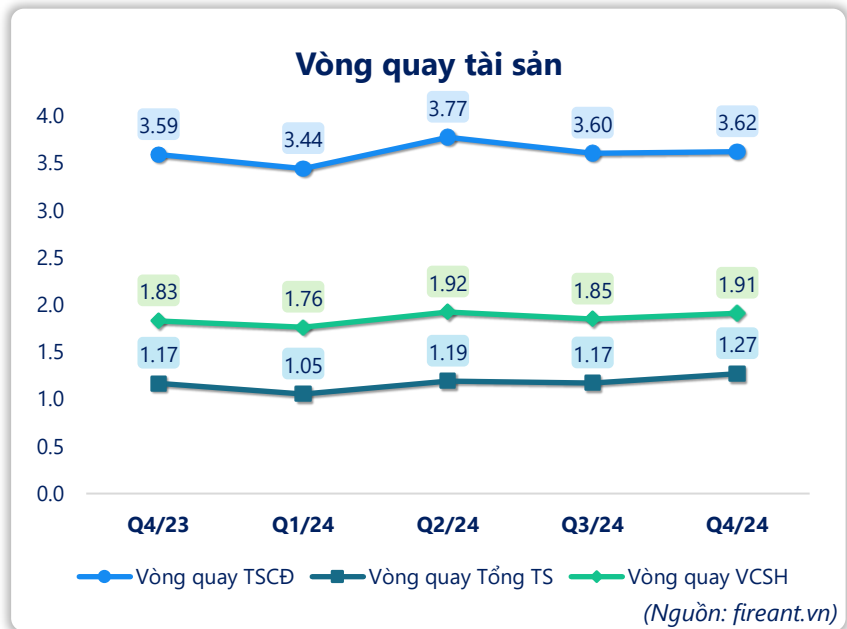
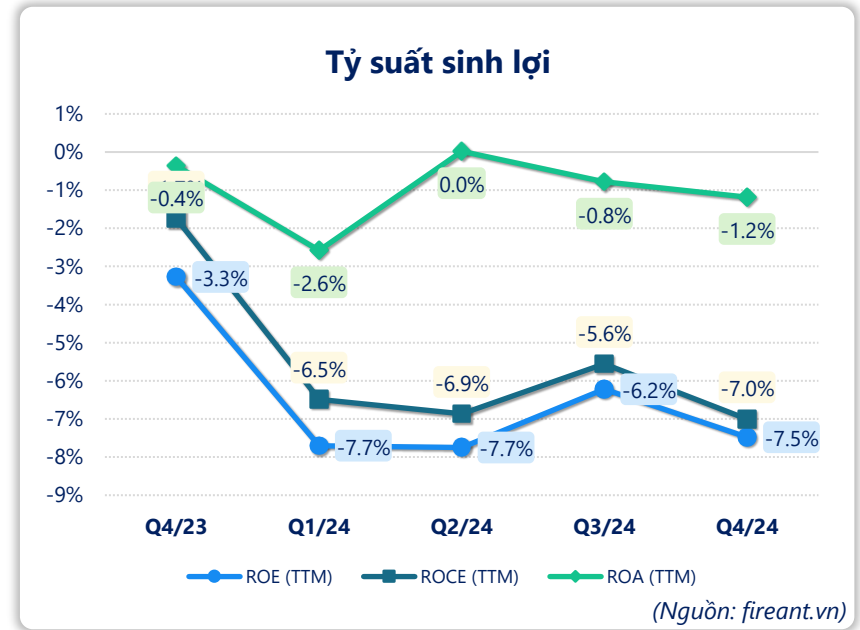
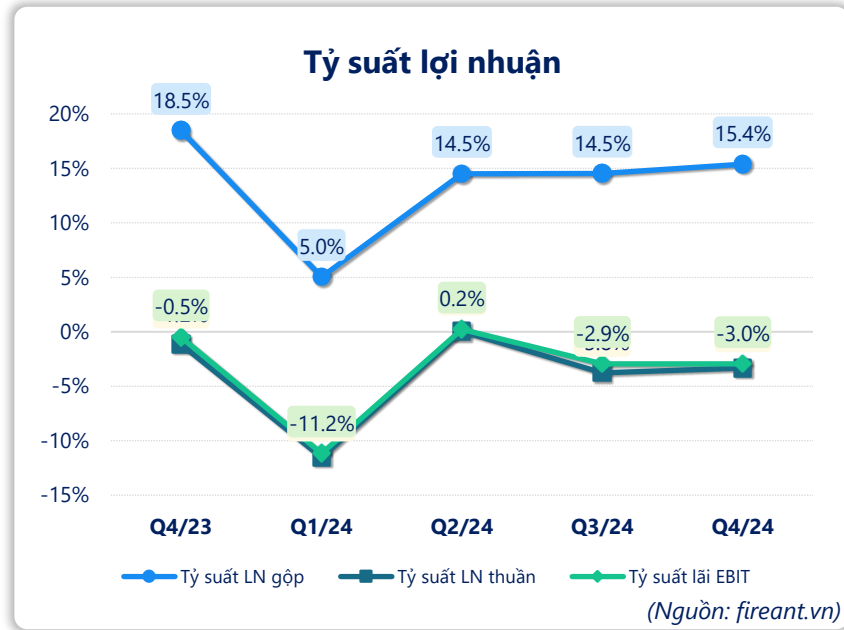
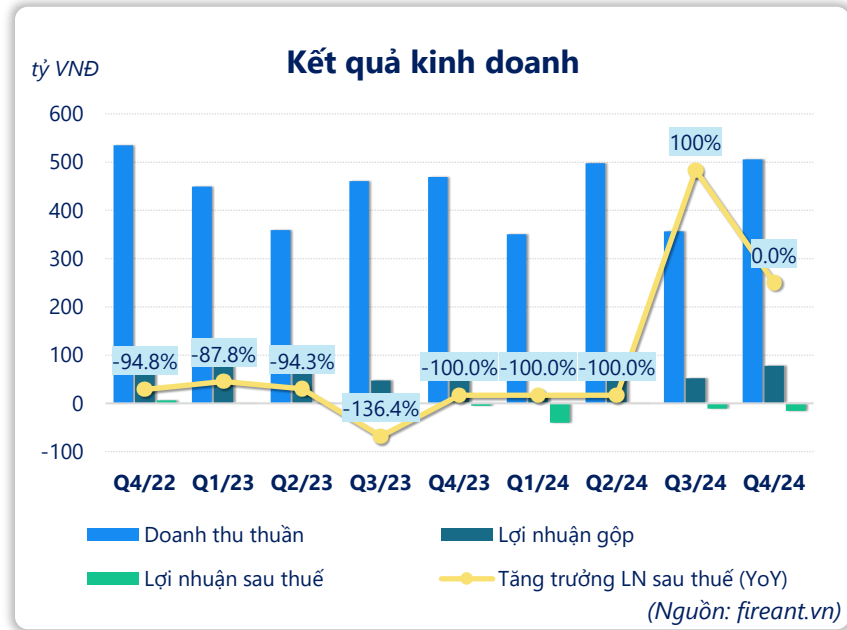


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		3,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		5,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,600
SL cổ phiếu LH		71,997,731
KLGD BQ 20 phiên (CP)		10,295
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		266
P/E		-4.0
EPS		-930

	YTD	1T	3T	6T
HOM		0.0%	-5.1%	-14.0%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,240	1,455	-14.8%
Tài sản ngắn hạn	501	677	-26.0%
Tiền và tương đương tiền	206	194	6.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	15.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	187	216	-13.6%
Hàng tồn kho	89.8	227	-60.5%
Tài sản ngắn hạn khác	18.2	24.6	-26.1%
Tài sản dài hạn	738	778	-5.1%
Phải thu dài hạn	15.5	14.4	7.7%
Tài sản cố định	477	468	1.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	120	131	-8.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	126	165	-23.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	377	526	-28.3%
Nợ ngắn hạn	366	517	-29.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	95.0	177	-46.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	162	202	-19.8%
Nợ dài hạn	11.0	9.38	17.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	862	929	-7.2%
Vốn chủ sở hữu	862	929	-7.2%
Vốn điều lệ	748	748	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	469	350	497	356	506
Giá vốn hàng bán	383	333	425	304	428
Lợi nhuận gộp	86.6	17.7	72.2	51.7	77.8
Doanh thu HĐTC	0.07	1.17	1.28	0.29	1.57
Chi phí TC	2.94	1.03	0.82	1.32	0.50
Chi phí lãi vay	2.94	1.03	0.82	0.69	1.00
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	61.2	35.3	52.8	44.5	65.6
Chi phí QLDN	28.1	22.9	19.6	19.6	30.2
LN thuần từ HĐKD	-5.47	-40.4	0.17	-13.4	-16.9
Lợi nhuận khác	0.16	0.26	0.10	2.21	0.95
LN trước thuế	-5.32	-40.2	0.27	-11.2	-15.9
Lợi nhuận sau thuế	-5.32	-40.2	0.27	-11.2	-15.9
LNST của CĐ cty mẹ	-5.32	-40.2	0.27	-11.2	-15.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	261	-50.0	4.98	90.5	99.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-19.2	-17.1	10.0	-30.3	-12.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-74.0	-39.2	-26.6	-12.3	-4.28
Tiền đầu kỳ	26.8	194	88.2	76.9	124
Lưu chuyển tiền thuần	167	-106	-11.6	47.9	82.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.15	0.23	0.27	-0.63	0.00
Tiền cuối kỳ	194	88.2	76.9	124	206

(Nguồn: fireant.vn)